

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ
MAIL:nhatphong0207@yahoo.com PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC
TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC PHẦN
MÔN HỌC : H?NH HỌA 1 * LỚP: (ARC-111)AIS,BIS,CIS,DIS
M? MÔN HỌC : ARC-111 * SỐ TÍN CHỈ : 2 * HỌC KỲ : 3

NGÀY THI: 20/12/2012

LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QTHT				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	15	15	55	100		
1	1820415662	Nguyễn Thị Thanh Tâm	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	8	6.5	8	4	5.6	Nằm pháy Sau	
2	1820415843	Hoàng Thị Thùy Dung	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	7	8	2	0.0	Khăng	
3	1820416017	Phan Trần Thùy Chung	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	7.5	8	8.5	8.5	Tằm pháy Nằm	
4	1820416023	Phan Xuân Mỹ	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	8	6	5	3	0.0	Khăng	
5	1820416204	Nguyễn Thị Minh Sang	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	5.5	7	4	5.6	Nằm pháy Sau	
6	1820416206	Đặng Thị Thu Hà	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	8	0	8	V	0.0	Khăng	
7	1820416717	V? Thị Diễm Trang	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	0	4	8	1	0.0	Khăng	
8	1820425850	Nguyễn Thị Hồng Nhung	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	5	8.5	2	0.0	Khăng	
9	1821413547	Lê Viết Duy Hưng	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	6	8.5	6	7.0	Báy	
10	1821413551	Nguyễn Phan Phước Đức	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	4	1	7	V	0.0	Khăng	
11	1821413553	Mai Phước Linh	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	5.5	7	6	6.7	Sau pháy Báy	
12	1821413554	Trần Văn Nhân	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	6	6	4	5.5	Nằm pháy Nằm	
13	1821413557	Trần Văn Vũ	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	6	5	2	0.0	Khăng	
14	1821413558	V? Văn Vương	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	8	4	7	2	0.0	Khăng	
15	1821413559	Nguyễn Văn Hiệp	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	8.5	6	7.5	7.8	Báy pháy Tằm	
16	1821413560	Nguyễn Văn H?a	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	7.5	8	V	0.0	Khăng	
17	1821413561	Đặng Lê Đức Tài	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	0	6	5	4	3.9	Ba pháy Chèn	
18	1821413562	Phạm Trương Như Ngọc	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	4.5	7	4	5.4	Nằm pháy Bấu	
19	1821413563	Trần Thanh Tùng	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	6	4	5	1	0.0	Khăng	
20	1821413564	Văn Bá Nhật	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	9	1	7	4	4.8	Bấu pháy Tằm	
21	1821413565	Hồ Quang Ninh	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	0	0	0	V	0.0	Khăng	
22	1821413566	Nguyễn Hoàng Anh	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	5	7	5.5	6.3	Sau pháy Ba	
23	1821413567	Hồ Công Ngọc	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	8	3	6	2	0.0	Khăng	
24	1821413568	Bùi Phúc Xuân	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	6	4	7	4	4.8	Bấu pháy Tằm	
25	1821413569	Mai Văn Hà	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	8	6	6	7	6.9	Sau pháy Chèn	
26	1821413847	Nguyễn Vĩnh Tân	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	7	6	8.5	8.1	Tằm pháy Mất	
27	1821413848	Nguyễn Bùi Quốc Bảo	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	6	5.5	4	5.4	Nằm pháy Bấu	
28	1821413849	Huỳnh Tấn Cường	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	6	8	7.5	7.7	Báy pháy Báy	
29	1821413850	Nguyễn Ngọc Anh Tú	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	6.5	3	8	7.3	Báy pháy Ba	
30	1821413852	Lê Kỳ Chức	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	8	6	8	7	7.2	Báy pháy Hai	
31	1821413853	Ngô Tuấn Linh	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	6	5	8	7.6	Báy pháy Sau	
32	1821413854	Trần Thanh Quân	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	6	4.5	6.5	4	4.8	Bấu pháy Tằm	
33	1821413855	Đặng Minh Nhựt	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	9	6	7	7.6	Báy pháy Sau	
34	1821413856	Lê Phan Nguyên	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	4.5	4	1	0.0	Khăng	
35	1821413857	Trương Xuân Hùng	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	6	6	7	5.5	5.9	Nằm pháy Chèn	
36	1821414109	Nguyễn Phan	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	8	4	7	4	5.1	Nằm pháy Mất	
37	1821414112	Thái Quang Minh	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	5.5	6	2	0.0	Khăng	
38	1821414115	Nguyễn Hữu Trung Hậu	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	4	2	6	V	0.0	Khăng	
39	1821414117	Lê Thanh Hùng	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	5	3	6.5	6.3	Sau pháy Ba	
40	1821414118	Nguyễn Văn Anh Vũ	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	6	8.5	9	8.6	Tằm pháy Sau	
41	1821414119	Hồ Ngọc Tú	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	8	0	0	1	0.0	Khăng	
42	1821414122	Nguyễn Duy Khoa	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	6	7	8	3	0.0	Khăng	

NGÀY THI: 20/12/2012

LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QHTT				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	15	15	55	100		
43	1821415226	Nguyễn Thanh Phúc	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	8	8	5.5	6.9	Sầu pháy Chên	
44	1821415665	Nguyễn Hoàng Sinh	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	6	6	5	1	0.0	Khăng	
45	1821416542	Nguyễn Quang Thanh	K18CSU_KTR1	(ARC-111)AIS	10	4.5	4	3	0.0	Khăng	
46	1820413851	Nguyễn Thị Nhật Ánh	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	6	6	8	2	0.0	Khăng	
47	1820414082	Phạm Thị Tuyết Mai	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	9	10	9.5	9.3	Chên pháy Ba	
48	1820414110	Nguyễn Thị Diễm	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	10	6.5	7	6	6.8	Sầu pháy Tầm	
49	1820414113	Phan Nguyễn Yến Nhi	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	10	7	6.5	6.5	7.1	Báy pháy Mất	
50	1820414114	Trần Thị Như Anh	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	10	7	7	4	5.8	Nằm pháy Tầm	
51	1820414120	Nguyễn Hoàng Anh Thư	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	5	5	2	0.0	Khăng	
52	1820414121	Phạm Thị Ánh Ly	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	6	6	5	6	5.9	Nằm pháy Chên	
53	1820414126	Phạm Quỳnh Anh	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	7	8	2	0.0	Khăng	
54	1820414127	Trần Thị Nhật	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	10	8	8	7.5	8.0	Tầm	
55	1821411955	Phan Nhật Minh	K18CSU_KTR2	(ARC-111)AIS	10	5	7	2.5	0.0	Khăng	
56	1821413548	Phan Minh Triệu Vỹ	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	10	4.5	6.5	2	0.0	Khăng	
57	1821414123	Nguyễn Công Huỳnh Đăng	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	10	6	7	2	0.0	Khăng	
58	1821414124	Trương Đức Thắng	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	4	6.5	2	0.0	Khăng	
59	1821414125	Phạm Thành Công	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	10	4	5	2	0.0	Khăng	
60	1821414128	Trần Tâm	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	10	6	5	4.5	5.6	Nằm pháy Sầu	
61	1821414129	Trần Trung Lương	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	10	4	6.5	7.5	7.2	Báy pháy Hai	
62	1821414131	Đặng Tấn Lợi	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	7	5	6.5	6.6	Sầu pháy Sầu	
63	1821414132	Trần Nguyễn Đăng Khoa	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	6	0	6.5	6	5.2	Nằm pháy Hai	
64	1821414133	Phạm Thành Lộc	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	3	8	8	7.3	Báy pháy Ba	
65	1821414134	Hoàng Tấn Ái	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	6	0	5	2	0.0	Khăng	
66	1821414135	Hoàng Tấn Nhân	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	6	0	5	7.5	5.8	Nằm pháy Tầm	
67	1821414136	Nguyễn Thành Chung	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	0	5	4	4.2	Bẩu pháy Hai	
68	1821414138	Đỗ Hữu Phước	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	2	4	3	4	3.6	Ba pháy Sầu	
69	1821414139	Nguyễn Thanh Tuấn	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	10	2	6.5	2	0.0	Khăng	
70	1821414140	Nguyễn Văn Hoàng Phong	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	3	5	6.5	6.0	Sầu	
71	1821414764	V? Văn Đạt	K18CSU_KTR2	(ARC-111)CIS	8	3	6	1	0.0	Khăng	
72	1821414773	Văn Hồng Quân	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	6	0	5	6.5	5.2	Nằm pháy Hai	
73	1821414775	Trần Quốc Hiếu	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	5	6.5	2	0.0	Khăng	
74	1821414776	Nguyễn Thái Lào	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	4	6.5	6	6.1	Sầu pháy Mất	
75	1821414779	Vũ Quang Hồng Anh	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	10	4	8	4	5.5	Nằm pháy Nằm	
76	1821414780	Trần Hồng Tân	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	0	0	0	V	0.0	Khăng	
77	1821414782	Lê Hùng Quyền	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	10	5.5	5	2	0.0	Khăng	
78	1821414783	Nguyễn Huỳnh Anh Kha	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	0	5	6.5	5.5	Nằm pháy Nằm	
79	1821414784	Trần Quốc Việt	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	6.5	6.5	6.5	6.7	Sầu pháy Báy	
80	1821414785	Phạm Đ?nh Thành	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	4	5	1	0.0	Khăng	
81	1821414786	Dương Ngọc Hưng	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	4	0	6.5	V	0.0	Khăng	
82	1821414787	V? Xuân Trí	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	10	5.5	5	2	0.0	Khăng	
83	1821415224	Phạm Tấn Tr?nh	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	2	5	2	0.0	Khăng	
84	1821415225	Nguyễn Quốc Phú	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	6	5	7	2	0.0	Khăng	
85	1821415227	Trịnh Hữu Phụng	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	0	0	5	6.5	4.3	Bẩu pháy Ba	
86	1821415228	Trần Phước Trịnh	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	8	4	6.5	1	0.0	Khăng	
87	1821415229	Trần Công Phong	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	6	3	7	2	0.0	Khăng	
88	1821416621	Ngô Anh Trí	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	6	4	5	4	4.5	Bẩu pháy Nằm	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QTHT				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	15	15	55	100		
89	1821416728	Trương Đặng Thành	K18CSU_KTR2	(ARC-111)BIS	6	4	5	1	0.0	Khăng	
90	1820413544	Nguyễn Tường Vi	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	10	8	9	5	6.8	Sầu pháy Tấm	
91	1820414130	Nguyễn Dương Hồng Ngọc	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	8	7	6.5	2	0.0	Khăng	
92	1820414137	Nguyễn Bảo Ngọc	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	6	6	6	2	0.0	Khăng	
93	1820414141	Phạm Thị Ngọc Ánh	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	6	7	7	2	0.0	Khăng	
94	1820414142	Lê Mai Thảo	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	4	5.5	5	2	0.0	Khăng	
95	1820414778	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	10	6.5	8.5	5	6.5	Sầu pháy Nằm	
96	1820414781	Nguyễn Thị Trang	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	6	7.5	8	9	8.2	Tấm pháy Hai	
97	1820415232	Phạm Phan Minh Ngân	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	10	7.5	8	8	8.2	Tấm pháy Hai	
98	1820415235	Nguyễn Vũ Anh Thảo	K18CSU_KTR3	(ARC-111)BIS	8	6	6.5	3	0.0	Khăng	
99	1821415230	V? Văn Chung	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	8	8	8.5	6.5	7.3	Báy pháy Ba	
100	1821415231	Bùi Văn Lưu	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	10	6.5	7	6	6.8	Sầu pháy Tấm	
101	1821415233	Lê Anh Vũ	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	6	8	7	9	8.1	Tấm pháy Mắu	
102	1821415234	Đỗ Nguyễn Phúc Thịnh	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	10	6.5	7.5	5.5	6.6	Sầu pháy Sầu	
103	1821415236	Nguyễn Thanh Chính	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	8	5.5	6	4	5.1	Nằm pháy Mắu	
104	1821415237	Nguyễn Thành Đạt	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	10	5.5	7	6.5	7.0	Báy	
105	1821415238	Nguyễn Văn Định	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	8	0	8.5	4	4.7	Bẩu pháy Báy	
106	1821415239	Nguyễn Nhật Quang	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	10	5	6	4	5.4	Nằm pháy Bẩu	
107	1821415240	Cao Xuân Cường	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	6	5.5	6	2	0.0	Khăng	
108	1821415241	Dương Anh Nam	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	4	0	8	4	4.0	Bẩu	
109	1821415242	Lê Công Huỳnh	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	10	9	8.5	9.5	9.4	Chèn pháy Bẩu	
110	1821415243	Trần Hà Phú	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	0	6	4	V	0.0	Khăng	
111	1821415244	Lê Trung Nghĩa	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	4	5.5	7.5	7	6.4	Sầu pháy Bẩu	
112	1821415245	Trần Hoàng Vĩ	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	0	0	8	4	3.4	Ba pháy Bẩu	
113	1821415660	Nguyễn Hoàng Trung Lưu	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	10	7.5	7	3	0.0	Khăng	
114	1821415661	Nguyễn Việt Vương	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	2	6	6	1	0.0	Khăng	
115	1821415663	Trần Hoàng Gia Bảo	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	2	5	4	2	0.0	Khăng	
116	1821415664	Trà Trung Toàn	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	0	0	6	1	0.0	Khăng	
117	1821415840	Nguyễn Trung Tín	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	4	5	6.5	5	5.1	Nằm pháy Mắu	
118	1821415841	Phạm Bá Phi	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	6	5.5	6.5	2	0.0	Khăng	
119	1821415842	Vũ Tài Linh	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	10	7	8.5	4	6.0	Sầu	
120	1821415844	Dương Ngọc Hoàng Ân	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	6	5.5	6	3	0.0	Khăng	
121	1821416016	Nguyễn Danh Thắng	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	6	5	6	5	5.3	Nằm pháy Ba	
122	1821416018	Trần Quang Minh	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	8	8	7.5	9.5	8.8	Tấm pháy Tấm	
123	1821416019	Trần Duy Phong	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	8	6.5	7.5	4	5.5	Nằm pháy Nằm	
124	1821416020	Trần Đ?nhĐức Huy	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	10	5	8	8.5	8.1	Tấm pháy Mắu	
125	1821416021	Trần Minh Khánh	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	6	7	7.5	6	6.4	Sầu pháy Bẩu	
126	1821416022	Nguyễn Quang Trí	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	8	6	8.5	7	7.2	Báy pháy Hai	
127	1821416205	V? Nguyễn Minh Toàn	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	4	6	5	4	4.5	Bẩu pháy Nằm	
128	1821416294	Tôn Long Đại	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	4	5.5	8.5	2	0.0	Khăng	
129	1821416295	Phan Thanh Dũng	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	0	0	4	V	0.0	Khăng	
130	1821416296	Huỳnh Đại Thiện	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	8	6.5	5.5	7	6.9	Sầu pháy Chèn	
131	1821416297	Phan Hoàng Vũ	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	0	0	8	4	3.4	Ba pháy Bẩu	
132	1821416576	Trần Hữu Bảo	K18CSU_KTR3	(ARC-111)CIS	6	0	6	6.5	5.4	Nằm pháy Bẩu	
133	1820614747	Hoàng Minh Thùy	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	7	8	7.5	7.9	Báy pháy Chèn	
134	1821414111	Nguyễn Phước Khương	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	9	5	4.5	6	6.1	Sầu pháy Mắu	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QHTT				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	15	15	55	100		
135	1821613524	Đặng Quốc Đạo	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	8	6.5	4	2.5	0.0	Khăng	
136	1821613525	Nguyễn Đặng Nhựt	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	7	6	7.5	6	6.4	Sầu pháy Bấu	
137	1821613833	Lê Anh Vũ	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	8	6	0	V	0.0	Khăng	
138	1821613834	Nguyễn Văn Quốc	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	7	8.5	9	8.8	Tầm pháy Tầm	
139	1821613835	Nguyễn Châu Thành	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	9	9	9.5	9.4	Chên pháy Bấu	
140	1821614035	Mai Trung Tín	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	3	7	5	5.5	5.3	Nằm pháy Ba	
141	1821614036	Nguyễn Hùng Sơn	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	8	9	9	9.0	Chên	
142	1821614038	Huỳnh Đoàn Huy	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	7	5.5	7	2	0.0	Khăng	
143	1821614039	Trần Văn Thanh	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	6.5	7	9	8.5	Tầm pháy Nằm	
144	1821614040	Nguyễn Minh Tuấn	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	7	8.5	4	6.0	Sầu	
145	1821614042	Nguyễn Đức Tài	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	4	6	7.5	9.5	7.9	Báy pháy Chên	
146	1821614043	Trần Công Tuấn	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	6	4	4	1	0.0	Khăng	
147	1821614044	Lê Vĩnh Lâm	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	6	5.5	7	1	0.0	Khăng	
148	1821614047	Trần Đ?nh Anh Tuấn	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	9	7	8.5	8.6	Tầm pháy Sầu	
149	1821614048	Trần Hữu Lên	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	4	7	5	5.9	Nằm pháy Chên	
150	1821614050	Nguyễn Bá Nam	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	7.5	7.5	6.5	7.3	Báy pháy Ba	
151	1821614051	Nguyễn Tân	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	1	4	7.5	6.5	5.5	Nằm pháy Nằm	
152	1821614052	Trương Tất Thành	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	4	7.5	7.5	7	6.7	Sầu pháy Báy	
153	1821614053	Trần Công Quốc Khánh	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	6	6	2.5	0.0	Khăng	
154	1821614054	Phạm Đ?nh Tuyên	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	9	5	5	6.5	6.4	Sầu pháy Bấu	
155	1821614055	Nguyễn Văn An	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	6.5	7	6.5	7.1	Báy pháy Mất	
156	1821614056	Trang Hiếu Long	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	8	8	2	0.0	Khăng	
157	1821614057	Tạ Đăng Dũng	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	5	4	7.5	1	0.0	Khăng	
158	1821614740	Trần Thanh Tùng	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	6.5	6.5	5.5	6.5	Sầu pháy Nằm	
159	1821614741	Lê Thái Sang	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	8	8.5	9.5	9.2	Chên pháy Hai	
160	1821614742	Nguyễn Hoài Khanh	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	9	5	7.5	6.5	6.8	Sầu pháy Tầm	
161	1821614743	Nguyễn Đ?nh Lợi	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	4	6	4	5.2	Nằm pháy Hai	
162	1821614745	Trần Bùi Anh Trường	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	8	7.5	7	7.7	Báy pháy Báy	
163	1821614746	Phạm Văn Vinh	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	9	6.5	8	6	6.8	Sầu pháy Tầm	
164	1821615184	Đỗ Trọng Kỳ	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	8	5.5	6.5	2	0.0	Khăng	
165	1821615186	Lê Văn Tuấn	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	6.5	7.5	7	7.5	Báy pháy Nằm	
166	1821615187	Nguyễn Thành Đạt	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	5.5	6	1	0.0	Khăng	
167	1821615188	Nguyễn Anh Vũ	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	9	6	5	6	6.3	Sầu pháy Ba	
168	1821615643	Nguyễn Ngọc Nghiêm	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	9	6	8	9	8.4	Tầm pháy Bấu	
169	1821615644	Nguyễn Chơn Trọng	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	10	6	8	7	7.5	Báy pháy Nằm	
170	1821624066	Phạm Văn Nhớ	K18CSU_XDD	(ARC-111)DIS	8	6.5	7	9	8.2	Tầm pháy Hai	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	231	65%	
2	Số sinh viên nợ	125	35%	
TỔNG CỘNG :		356	100%	

LẬP BẢNG

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 01 năm 2013
PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(k? và ghi r? họ tên)

NGÀY THI: 20/12/2012

LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QHTT				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	15	15	55	100		

Nguyễn Kim Đức

ThS. Nguyễn Hữu Phú